

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 06/2018/DS-ST

Ngày 15/8/2018

V/v “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Ngọc Lợi

Bà Đồng Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Tống Thị Huệ – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 51/ 2018/TLST-DS ngày 09 tháng 02 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2018/QĐST- DS ngày 02 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 19xx

Ông Đỗ Duy B, sinh năm 19xx

Cùng địa chỉ: Số nhà xx, đường THĐ, phố TV, phường TT, Thành phố NB, tỉnh Ninh Bình.

(Ông B ủy quyền cho bà H theo giấy ủy quyền ngày 30/01/2018)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 19xx

Bà Đặng Thị Bích H, sinh năm 19xx

Cùng địa chỉ: Số nhà xxx, đường LNT, phố AL, phường NP, thành phố NB, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa Bà H có mặt, Ông K, Bà H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Vợ chồng tôi và vợ chồng Ông K, Bà H có mối quan hệ quen biết nhau nên khi vợ chồng Ông K Bà H đặt vấn đề vay tiền để kinh doanh Công ty may mặc là Công ty TNHH Dệt May MQ vợ chồng tôi đồng ý. Ngày 04/01/2014 vợ chồng Ông K, Bà H có viết giấy vay tiền của gia đình tôi số tiền gốc là 431.000.000đ (Bốn trăm ba mươi một triệu đồng). Hạn thời hạn trả là vào ngày 10/03/2014. Khi đó Ông K dùng dấu công ty để đóng vào phần người vay tiền để làm tin. Tuy nhiên từ đó đến nay vợ chồng Ông K Bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho gia đình tôi. Vì vậy, tôi làm đơn khởi kiện ra Tòa án yêu cầu: Buộc vợ chồng Ông K Bà H phải thanh toán số tiền vay gốc vào ngày 04/01/2014 là 431.000.000đ (Bốn trăm ba mươi một triệu đồng) và thanh toán cho tôi toàn bộ tiền lãi suất của khoản tiền vay trên từ thời điểm 04/01/2014 cho đến khi giải quyết xong vụ án, lãi xuất tôi yêu cầu anh Khiêm phải trả cho tôi là 9,0%/ năm.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ông Nguyễn Quốc K trình bày:

Tôi thừa nhận ngày 04/01/2014 vợ chồng tôi có vay của vợ chồng Bà H số tiền 431.000.000đ (Bốn trăm ba mươi một triệu đồng), hạn đến ngày 10/03/2014 sẽ trả, đây là khoản tiền vay cá nhân hai vợ chồng, nhưng do vợ chồng tôi kinh doanh gặp rủi do thua lỗ nên không thực hiện được việc thanh toán khoản tiền vay của vợ chồng chị HB theo đúng hạn được. Tôi xin sẽ trả dần cho chị H theo thời hạn 6 tháng thanh toán một lần, mỗi lần thanh toán 50.000.000^d. Do hoàn cảnh khó khăn nên tôi cũng xin Bà H xem xét giảm cho tôi tiền lãi từ ngày vay đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, hai bên đã thống nhất thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ vụ án với nội dung: Tính đến ngày 07/06/2018 vợ chồng anh Nguyễn Quốc K, chị Đặng Thị Bích H nợ vợ chồng anh Đỗ Duy B, chị Nguyễn Thị Thu H tổng số tiền là: 631.000.000đ (Sáu trăm ba mươi một triệu đồng) trong đó: nợ gốc là: 431.000.000đ (Bốn trăm ba mươi một triệu đồng), nợ tiền lãi là: 200.000.000^d (Hai trăm triệu đồng). Thời hạn trả nợ như sau: Ngày 10/09/2018 ông Nguyễn Quốc K và bà Đặng Thị Bích H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi nói trên cho vợ chồng ông Đỗ Duy B, bà Nguyễn Thị Thu

H. Tuy nhiên sau khi hòa giải, ngày 13/6/2018 bà Đặng Thị Bích H có đơn không nhất trí với biên bản hòa giải thành ngày 7/6/2018, lý do gia đình làm ăn thua lỗ đang phải vay tiền Ngân hàng nên không có khả năng trả nợ cho Bà H theo thỏa thuận tại biên bản hòa giải thành.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập Bà H đến làm việc và tham gia hòa giải nhưng Bà H vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Thu H vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Nguyễn Quốc K và bà Đặng Thị Bích H phải trả cho vợ chồng bà toàn bộ số tiền gốc 431.000.000^d(Bốn trăm ba mươi một triệu đồng) và số tiền lãi từ ngày chậm trả nợ, từ ngày 11/3/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm 15/8/2018 theo mức lãi suất do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định là 9,0%/năm. Cụ thể: Từ ngày 11/3/2014 đến ngày 15/8/2018 là 53 tháng 4 ngày Bà H tự nguyện tính tròn là 53 tháng x 9,0% / năm x 431.000.000^d = 171.322.500^d (Một trăm bảy mươi một triệu ba trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng). Tổng số tiền cả gốc và lãi là: 602.322.500^d (Sáu trăm linh hai triệu ba trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Ông Nguyễn Quốc K, bà Đặng Thị Bích H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do và cũng không có ý kiến nêu quan điểm đề nghị giải quyết yêu cầu khởi kiện của Bà H và Ông B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: - Ông Nguyễn Quốc K và bà Đặng Thị Bích H là bị đơn trong vụ án vay tiền của vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H, ông Đỗ Duy B, nay có tranh chấp. Bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại số nhà xx, đường LNT, phố AL, phường NP, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Đây là quan hệ tranh chấp dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ông Nguyễn Quốc K và bà Đặng Thị Bích H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Theo quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, giao dịch dân sự giữa Bà H và Ông K, Bà H phát sinh trước ngày 01/01/2017 nên quan hệ pháp luật về nội dung của vụ án được điều chỉnh bởi các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005.

Đối với giấy vay tiền đề ngày 04/01/2014, hạn ngày 10/3/2014 trả nợ do người vay là ông Nguyễn Quốc K và bà Đặng Thị Bích H ký là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Bà H, Ông B khởi kiện yêu cầu Ông K, Bà H phải trả cho ông bà toàn bộ số tiền gốc là 431.000.000^d (Bốn trăm ba mươi một triệu đồng), ông Nguyễn Quốc K thừa nhận vợ chồng ông có nợ Bà H Bình số tiền gốc: 431.000.000^d từ ngày 04/01/2014, hạn đến ngày 10/3/2014 sẽ trả, nhưng cho đến nay Ông K, Bà H chưa trả cho vợ chồng Bà H được đồng nào. Tại phiên hòa giải 7/6/2018 Ông K và Bà H đã thống nhất thỏa thuận thời hạn trả nợ và tính lãi theo mức lãi suất Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định là 9,0%/năm. Tuy nhiên, ngày 13/6/2018 Bà H có đơn không nhất trí với biên bản hòa giải thành, bà cho rằng thực tế gia đình bà đang làm ăn thua lỗ, phải vay Ngân hàng nên không có khả năng trả nợ cho Bà H theo biên bản hòa giải thành được. Xét thấy Ông K, Bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, việc Bà H không nhất trí với biên bản hòa giải thành và không đến tham gia phiên tòa chỉ làm ảnh hưởng đến thời gian giải quyết vụ án. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của Bà H và Ông B là có căn cứ chấp nhận. Buộc Ông K, Bà H phải trả cho Bà H, Ông B số tiền nợ gốc 431.000.000^d (Bốn trăm ba mươi một triệu đồng).

Về lãi suất, theo cung cấp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Ninh Bình ngày 31/7/2018 về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, có hiệu lực thi hành ngày 01/12/2010 thì mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm. Bà H đề nghị Ông K, Bà H phải trả cho bà tiền lãi tính theo mức lãi suất 9,0%/ năm và thời gian tính lãi xuất từ thời điểm chậm trả nợ đối với số tiền 431.000.000^d (Bốn trăm ba mươi một triệu đồng), cụ thể: $53 \text{ tháng} \times 9,0\% / \text{năm} \times 431.000.000^d = 171.322.500^d$ (Một trăm bảy mươi một triệu ba trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng) là phù hợp với Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005, nên cần chấp nhận.

Như vậy, tổng số tiền gốc và lãi mà Ông K Bà H phải trả cho Ông B và Bà H là: 602.322.500^d (Sáu trăm linh hai triệu ba trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Bà H và Ông B được chấp nhận nên buộc Ông K và Bà H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, cụ

thê: $\{(602.322.500^d - 400.000.000^d) \times 4\% + 20.000.000^d\} = 28.092.900^d$ (Hai mươi tám triệu không trăm chín mươi hai nghìn chín trăm đồng).

Trả lại tiền tạm ứng án phí cho Bà H.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266 và khoản 1, Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 471, 474, 476 và Điều 478 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H và ông Đỗ Duy B.

Buộc ông Nguyễn Quốc K và bà Đặng Thị Bích H phải trả cho bà Nguyễn Thị Thu H và ông Đỗ Duy B tổng số tiền là: $602.322.500^d$ (Sáu trăm linh hai triệu ba trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng). Trong đó tiền nợ gốc là: $431.000.000^d$ (Bốn trăm ba mươi một triệu đồng); Tiền nợ lãi là: $171.322.500^d$ (Một trăm bảy mươi một triệu ba trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Thu H, ông Đỗ Duy B có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông Nguyễn Quốc K, bà Đặng Thị Bích H không chịu thi hành án khoản tiền nói trên thì hàng tháng Ông K, Bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án, lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: - Buộc ông Nguyễn Quốc K và bà Đặng Thị Bích H phải nộp: $28.092.900^d$ (Hai mươi tám triệu không trăm chín mươi hai nghìn chín trăm đồng).

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền $10.620.000^d$ (Mười triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố

Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000903 ngày 07 tháng 02 năm 2018.

Án xử công khai sơ thẩm Bà H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Ông K, Bà H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKS ND TP.Ninh Bình;
- Chi cục THADSTP.Ninh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký, đóng dấu)**

Phạm Thị Tuyết